

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 5 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Lê Hoàng Tấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng nghị, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 512/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hồ Tuấn D, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thị Mỹ C, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1941

Địa chỉ: 5647 Hickory Park Dr, Anioch, Tennessee 37013, USA (Hoa kỳ).

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị T: Bà Hồ Thị Thùy A, sinh năm 1966 (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị T: Luật sư Huỳnh Thiên N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

2. Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Trương Văn C1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

4. Cháu Hồ Võ Dũng T1, sinh năm 1998 (có mặt)

5. Bà Hồ Thị Thùy A, sinh năm 1966 (có mặt)

6. Ông Đinh Công H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

7. Cháu Bùi Hồ Xuân M, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn - ông Hồ Tuấn D, bị đơn – bà Võ Thị Mỹ C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Tuấn D trình bày: Ông và bà Võ Thị Mỹ C làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/01/1999. Sau khi kết hôn, khoảng 10 năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2010, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với nhau, bà C làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện S yêu cầu ly hôn với ông; lúc đó, do hai người con còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn và thuyết phục bà C rút lại đơn khởi kiện. Nhưng từ đó đến nay, vợ chồng cũng không có hạnh phúc nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

Về con chung: Có hai người con chung tên cháu Hồ Võ Dũng T1, sinh năm 1998, đang sống với bà C và cháu Hồ Võ Dũng T, sinh năm 2003, đang sống với

ông. Cho nên, ông và bà C, mỗi người tiếp tục nuôi dưỡng một người con chung; ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho cháu Dũng T.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung hai vợ chồng tạo lập được diện tích đất 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cùng với căn nhà gắn liền với diện tích đất, loại nhà cấp 4; 01 chiếc xe máy hiệu Exciter biển số 84L1-16178; một Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ trị giá 74.351.900 đồng. Ông đồng ý giao cho bà C sử dụng 01 chiếc xe máy hiệu Exciter biển số 84L1-16178; một Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ trị giá 74.351.900 đồng. Đối với nhà và đất thửa 30 ông đồng ý giao cho bà C sử dụng, bà C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà và đất cho ông số tiền bằng 400.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng vợ chồng ông, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn phản tố ngày 26 tháng 6 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Mỹ C trình bày: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông D về thời gian kết hôn, thời gian sống chung với nhau. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Vào năm 2016, bà bị bệnh tai biến, liệt ½ (Một phần hai) cơ thể thì ông D chung sống như vợ chồng với người đàn bà khác. Từ đó, ông D mới yêu cầu ly hôn với bà. Tuy nhiên, bà vẫn thống nhất ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con như ông D trình bày là đúng. Hiện nay, cháu Dũng T đã trưởng thành, còn cháu Dũng T đã trên 07 tuổi nên cháu muốn sống với cha hay với mẹ do cháu quyết định.

Về tài sản chung: Bà thống nhất theo ý kiến trình bày của ông D đối với phần tài sản chung là chiếc xe Exciter, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ Prudential và căn nhà xây dựng trên diện tích đất 190m², thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh. Còn diện tích đất sử dụng để xây dựng nhà là do cha mẹ ruột của bà tặng cho riêng bà nên đây là tài sản riêng của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Ngoài ra, vợ chồng còn các tài sản khác, như: Diện tích đất 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh; diện tích đất 80m², thửa số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất; diện tích đất 111,1m², thửa số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh; diện tích đất 73,4m², thửa số 221, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cùng căn nhà cấp 3 gắn với thửa đất; diện tích

đất 3.900m², thửa số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

Nay, bà thống nhất nhận chiếc xe máy và bảo hiểm nhân thọ mà ông D giao cho bà. Còn căn nhà xây dựng trên diện tích đất 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh thì bà chỉ đồng ý chia giá trị căn nhà cho ông D bằng $\frac{1}{2}$ (Một phần hai), không đồng ý chia giá trị đất cho ông D. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án chia cho bà quyền sử dụng thửa đất số 221 và ngôi nhà gắn liền trên đất. Bà đồng ý giao cho ông D quản lý, sử dụng các thửa 1457, 177, 106, nhà và đất thửa 107.

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Dương Thị T và người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị T, ông Võ Hùng X1 trình bày: Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, bà T cùng với chồng tên ông Hồ Văn X2 (chết năm 2012) đã nhiều lần gửi đô la về Việt Nam cho ông D và bà C để nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà nhằm sau này khi bà T già yếu sẽ trở về Việt Nam sinh sống. Tổng cộng, bà T và ông Hai đã gửi qua tổ chức tín dụng về Việt Nam từ năm 1998 đến năm 2016 trên 300.000 đô la Mỹ; đưa trực tiếp trên 20.000 đô la Mỹ và một số nữ trang. Nay, ông D và bà C ly hôn thì bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà C trả lại: Giá trị diện tích đất 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh; diện tích đất 80m², thửa số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cùng với căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất; diện tích đất 111,1m², thửa số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh; diện tích đất 73,4m², thửa số 221, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cùng với căn nhà cấp 3 gắn liền với diện tích đất; diện tích đất 3.900m², thửa số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị Thùy Ông trình bày: Căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất 111,1m², thửa số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh mà gia đình bà đang ở, cũng như diện tích đất 80m², thửa số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, là do cha mẹ của bà (Bà T, ông Hai) nhờ ông D nhận chuyển nhượng từ người khác và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ); vợ chồng của bà đứng ra xây dựng nhà giùm. Cho nên, căn nhà và diện tích đất này không có liên quan gì đến bà C.

Theo cháu Hồ Võ Dũng T1 là con chung của ông Hồ Tuấn D và bà Võ Thị Mỹ C trình bày: Các tài sản của cha mẹ tạo lập, nên cháu không có ý kiến và cũng không yêu cầu chia.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trương Văn C1 trình bày: Vợ chồng ông có nhận thuê diện tích đất 3.900m², thửa số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh của vợ chồng ông D và bà C. Hai bên thỏa thuận giá thuê đất bằng 60 gạ lúa/năm; khi nào ông D và bà C lấy lại đất thì vợ chồng ông trả. Cho nên, sau khi Tòa án xét xử giao đất cho ai thì vợ chồng ông sẽ trả tiền lúa thuê cho người đó.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Minh N trình bày: Vào ngày 09/01/2017, ông có thuê diện tích đất 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh, để mở quán kinh doanh dịch vụ ăn uống. Hai bên thỏa thuận thời hạn thuê là 05 năm, giá thuê bằng 2.700.000 đồng/tháng. Hàng tháng, ông trả tiền thuê cho ông D 1.500.000 đồng và trả cho bà C bằng 1.200.000 đồng. Sau này, Tòa án xét xử giao đất cho ai thì ông sẽ trả tiền thuê cho người đó.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đinh Công H và cháu Bùi Hồ Xuân M đều vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 59 và điểm c khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Tuấn D và bà Võ Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Giao cho ông Hồ Tuấn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Võ Dũng T, sinh ngày 03/6/2003. Bà Võ Thị Mỹ C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Võ Dũng T.

Bà Võ Thị Mỹ C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Võ Dũng T, ông Hồ Tuấn D cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Mỹ C về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Chia cho bà Võ Thị Mỹ C được hưởng diện tích đất 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cùng với căn nhà gắn liền với đất; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển số 84L1-16178; một Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ trị giá 74.351.900 đồng (Bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi một nghìn chín trăm đồng). Toàn bộ tài sản này hiện nay do bà C đang quản lý.

Chia diện tích đất 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh, cho bà Võ Thị Mỹ C được hưởng một phần có diện tích là 293m², cùng với hàng rào phần tường xây dựng trên diện đất được chia. Đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp diện tích đất còn lại của thửa số 1457, kích thước 58,6 mét;
- Hướng Tây giáp thửa số 1458, kích thước 58,6 mét;
- Hướng Nam giáp thửa số 379, kích thước 05 mét;
- Hướng Bắc giáp Quốc lộ 53, kích thước 05 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho ông Hồ Tuấn D được hưởng phần diện tích đất còn lại của thửa số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh. Đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 375, kích thước 58,6 mét;
- Hướng Tây giáp phần diện tích đất đã chia cho bà C, kích thước 58,6 mét;
- Hướng Nam giáp thửa số 379, kích thước 07 mét;
- Hướng Bắc giáp Quốc lộ 53, kích thước 6,5 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

4. Về nợ chung: Ông Hồ Tuấn D và bà Võ Thị Mỹ C đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Dương Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Tuấn D về việc giao trả cho bà Dương Thị T diện tích đất 3.900m², thửa số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh; diện tích đất 73,4m², cùng căn nhà cấp 3 gắn liền với đất, thửa số 221, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh. Đất có tứ cận và kích thước như sau:

Thửa số 177:

- Hướng Đông giáp các thửa số 170, 176B và 176, kích thước 151,9 mét;
- Hướng Tây giáp thửa số 167, kích thước 150,9 mét;
- Hướng Nam giáp thửa số 177B, kích thước 25,6 mét;
- Hướng Bắc giáp thửa số 177A, kích thước 24,7 mét.

(có sơ đồ kèm theo).

Thửa số 221:

- Hướng Đông giáp thửa số 257, kích thước 4,89 mét;
- Hướng Tây giáp Vĩa hè Quốc lộ 53, kích thước 4,89 mét;
- Hướng Nam giáp thửa số 222, kích thước 15 mét;
- Hướng Bắc giáp thửa số 220, kích thước 15 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp vào việc tạo lập, quản lý, gìn giữ tài sản cho ông Hồ Tuấn D với số tiền bằng 448.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp vào việc tạo lập, quản lý, gìn giữ tài sản cho bà Võ Thị Mỹ C bằng 448.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số: 17/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/10/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận thửa đất số 177 và căn nhà gắn liền với đất với thửa đất 221 là tài sản chung của vợ chồng ông D bà C và chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Ngày 15/10/2019, nguyên đơn ông Hồ Tuấn D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với đất có diện tích đất 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh, mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản. Ông D đồng ý giao căn nhà cho bà C được quyền quản lý sử dụng và bà C phải có trách nhiệm trả lại cho ông D 50% giá trị căn nhà và đất là 400 triệu đồng.

Ngày 18/10/2019, bị đơn bà Võ Thị Mỹ C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của

bị đơn, bác yêu cầu độc lập của bà T.

Ngày 15/10/2019, bà Dương Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không công nhận diện tích đất 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung của ông D bà C, buộc giao tài sản này lại cho bà T; không chấp nhận buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp vào việc tạo lập, quản lý, gìn giữ tài sản cho ông Hồ Tuấn D với số tiền bằng 448.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng); không chấp nhận buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp vào việc tạo lập, quản lý, gìn giữ tài sản cho bà Võ Thị Mỹ C bằng 448.500.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hồ Tuấn D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản chung là phần đất có diện tích 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất. Ông đồng ý giao cho bà C được quyền quản lý, sử dụng nhà đất trên và yêu cầu bà C trả cho ông 50% giá trị tài sản là 400.000.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Mỹ C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà về việc chia tài sản chung đối với các tài sản gồm: Phần diện tích đất 3.900 m², thửa đất số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh; phần diện tích đất 73,4m², thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn S, S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 3 gắn liền trên đất; phần diện tích đất 111,1m², thửa đất số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh; phần diện tích đất 80m², thửa đất số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất; phần diện tích đất 697m², thửa đất số 1457, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh. Bà yêu cầu được hưởng ½ giá trị khối tài sản trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T có bà Hồ Thị Thùy A là người đại diện theo uỷ quyền, theo đó thì luật sư và bà Thùy Anh thống nhất kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và kháng cáo của bà C, chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm với các lý do:

Nguồn gốc 05 thửa đất được mua từ nguồn tiền do bà Dương Thị T gửi về, phù hợp với lời khai của ông D, phù hợp với lời khai bà C, phía bà C đã thừa nhận có nhận tiền do bà T gửi về, nhưng bà C nói là đã giao lại cho ông D và ông D đứng ra mua đứng tên giùm bà T là phù hợp với thực tế. Bà C cho rằng tiền mua 05 thửa đất là do chơi hụi, kinh doanh bất động sản, cha mẹ bà cho, việc này bà C không chứng minh được. Vào năm 2010 qua 02 lần bà C khởi kiện ly hôn với ông D vào ngày 13/01/2010 và ngày 29/01/2010 thì bà C khẳng định rằng bà và ông D không có tài sản chung. Hơn thế nữa, tại tờ lời trình của bà C ngày 07/02/2002, bà C có nêu: “Tôi đồng ý đứng làm các thủ tục sang nhượng (ủy quyền) những phần đất đai mà cha mẹ và chồng tôi đã yêu cầu”, có cơ sở xác định bà C và ông D không có tài sản chung. Hơn nữa, tại Công văn ngày 17/5/2019 của UBND huyện S về việc kiểm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ có nêu rất rõ: Từ khi ông Hồ Tuấn D được cấp GCNQSDĐ, được chỉnh lý biến động đất đai không có đơn khiếu nại của bà Võ Thị Mỹ C về việc một mình ông Hồ Tuấn D đứng tên GCNQSDĐ. Rõ ràng, bà C thừa biết các thửa đất này do bà T gửi tiền, đem tiền về cho ông D mua và đứng tên giùm bà nên bà C không hề có tranh chấp, hay khiếu nại gì về việc cấp GCNQSDĐ cho ông D.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho ông D, bà C 50% khoản tiền chênh lệch bằng 897.000.000 đồng, có công tu bổ, gìn giữ đất tại thửa 221 và 177 là một điều quá vô lý, vì ông D, bà C về ở tại căn nhà cấp 3 thuộc thửa đất 221 thì nhà đã hoàn chỉnh, không sửa chữa, ngoài việc ông D bà C đã cho thuê mặt bằng trước nhà thu nhập 1.800.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Hồ Tuấn D: yêu cầu bà C hoàn lại giá trị nhà đất thửa số 30, tờ bản đồ số 31 diện tích 190m² cùng căn nhà cấp 4 có trên đất số tiền là 400.000.000 đồng. Đất do cha mẹ bà C cho, ông D bà C cất nhà ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ngày 10/8/2015, ông D có công sức trong việc gìn giữ, bảo quản đất, phải xem xét chia cho ông D 01 phần đất, tính bằng giá trị mới phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất cho bà C nhưng chưa xem xét hoàn giá trị cho ông D là thiếu sót.

Xét kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ C yêu cầu bác đơn khởi kiện độc lập của bà Dương Thị T: Căn nhà gắn liền với đất thửa 221, tờ bản đồ số 26, diện tích 73,4m², bà T cho rằng tiền mua nhà, đất do bà gửi về nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà mua nhà đất trên và nhờ ông D, bà C đứng tên giùm. Việc mua nhà, đất trên trong thời kỳ hôn nhân của bà C, ông D, bà C không thừa nhận tiền mua nhà đất là của bà T gửi về mua nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông D trả lại nhà, đất cho bà T là chưa phù hợp.

Thửa đất số 177, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.900m² thuộc đất trồng lúa, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh tiền mua đất do bà gửi tiền về cho ông D, bà C mua đứng tên giùm. Lời khai của ông Truyền là người bán đất xác định ông D, bà C là những người trực tiếp thỏa thuận việc mua án đất và trả tiền. Bà T là Việt kiều Mỹ, theo pháp luật quy định bà T là đối tượng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng lúa để sản xuất nông nghiệp, chỉ được cấp quyền sở hữu nhà ở, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông D giao cho bà T phần diện tích đất trồng lúa là trái quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã phát hiện vi phạm, ban hành kháng nghị. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Ngoài ra, ông D có đơn yêu cầu xin ly hôn, xin được nuôi con chung và yêu cầu chia tài sản chung thửa đất số 30; bà C có đơn phản tố và quá trình giải quyết vụ án bà C cho rằng tất cả 05 thửa đất, trong đó bao gồm thửa 106 và căn nhà gắn liền thửa 107 cùng tờ bản đồ số 35, tọa lạc khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung của hai vợ chồng và yêu cầu chia tài sản chung, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông D, không tuyên chấp nhận hay không chấp nhận đối với yêu cầu chia 02 thửa đất 106 và 107 của bà C là thiếu sót.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, chấp nhận một phần kháng cáo của đương sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc tiến hành xét xử vắng mặt đương sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh N, ông Trương Văn C1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, ông Đinh Công H và cháu Bùi Hồ Xuân M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Theo Đơn khởi kiện ngày 15/3/2018, nguyên đơn ông Hồ Tuấn D yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và chia một số tài sản chung của vợ chồng, trong đó có phần đất có diện tích 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất.

[1.3] Theo Đơn yêu cầu phản tố ngày 26/6/2018, bị đơn bà Võ Thị Mỹ C yêu cầu chia thêm các tài sản chung gồm: Phần đất có diện tích 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh; phần đất có diện tích 80m², thửa số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất; phần đất có diện tích 111,1m², thửa số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh; phần đất có diện tích 73,4m², thửa số 221, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 3 gắn liền với đất; phần đất có diện tích 3.900m², thửa số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

[1.4] Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 04/9/2018 và Đơn yêu cầu bổ sung ngày 26/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T yêu cầu Toà án buộc ông Hồ Tuấn D và bà Võ Thị Mỹ C trả lại cho bà giá trị của 05 phần đất mà bà C xác định là tài sản chung vợ chồng như trên.

[1.5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết hết các yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã không tuyên xử đối với phần diện tích đất 80m², thửa số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất và phần diện tích đất 111,1m², thửa số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh là đã vi phạm về tố tụng do không giải quyết hết các yêu cầu đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với phần diện tích đất 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 394736, số vào sổ cấp GCN: CH05093 ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân huyện S, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần đất có diện tích 190m², thửa số 30, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng ông Hồ Tuấn D và bà Võ Thị Mỹ C. Theo hồ sơ vụ án, ông D đồng ý giao cho bà C được hưởng tài sản trên nếu bà C không tranh chấp số tài sản còn lại. Như vậy, nguyên đơn chỉ tự nguyện giao tài sản cho bà C trong trường hợp bà C đáp ứng điều kiện mà ông đưa ra. Xét thấy, mặc dù bà C vẫn giữ nguyên các yêu cầu phản tố của mình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn công nhận lời trình bày của ông D và giao cho bà C được hưởng toàn bộ nhà và đất trên là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần chia tài sản chung này theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với phần đất có diện tích 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp 3, xã A3, huyện S, tỉnh Trà Vinh; phần đất có diện tích 80m², thửa số 107, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất; phần đất có diện tích 111,1m², thửa số 106, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh; phần đất có diện tích 73,4m², thửa số 221, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh cùng căn nhà cấp 3 gắn liền với đất; phần đất có diện tích 3.900m², thửa số 177, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh:

Hội đồng xét xử xét thấy các tài sản này đều được hình thành trong quá trình hôn nhân của vợ chồng ông D và bà C. Tuy nhiên, khi giải quyết về các tài sản này, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phần đất có diện tích 697m², thửa số 1457, tờ bản đồ số 4 là tài sản chung vợ chồng do không có căn cứ để chứng minh đây là tài sản riêng. Tuy nhiên, đối với số tài sản còn lại, Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng bà C không xuất trình được nguồn tiền để nhận chuyển nhượng tài sản nên xác định đây không phải là tài sản chung vợ chồng. Như vậy, khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra hai hướng nhận định và đánh giá khác nhau nên không đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất của bản án.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam nên có quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 186 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận

quyền sử dụng đất của bà T đối với diện tích đất 3.900m² loại đất trồng lúa, thuộc thửa 177, tờ bản đồ số 3 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Tại phiên toà phúc thẩm, bà C cho rằng toàn bộ số tiền bà T gửi về, ông D không sử dụng để mua đất mà đem gửi tại Ngân hàng Đông Á – Phòng Giao dịch huyện S, tỉnh Trà Vinh và Ngân hàng Kiên Long - Phòng Giao dịch huyện S, tỉnh Trà Vinh để lấy lãi. Do đó, cần thiết phải thu thập chứng cứ về sự việc này để làm rõ bản chất vụ án.

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Tuấn D, bà Võ Thị Mỹ C, bà Dương Thị T, quyết định huỷ một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà C về việc xin miễn án phí.

Về quan hệ hôn nhân và về con chung, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí thủ tục khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự có kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Tuấn D, bà Võ Thị Mỹ C, bà Dương Thị T.

Huỷ một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2019/HNGĐ-ST ngày 04/10/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Tuấn D, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Mỹ C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1941

Địa chỉ: 5647 Hickory Park Dr, Anioch, Tennessee 37013, USA (Hoa kỳ).

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị T: Bà Hồ Thị Thùy A, sinh năm 1966 (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị T: Luật sư Huỳnh Thiên N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Trương Văn C1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp S1, xã A2, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

4. Cháu Hồ Võ Dũng T1, sinh năm 1998

5. Bà Hồ Thị Thùy A, sinh năm 1966

6. Ông Đinh Công H, sinh năm 1965

7. Cháu Bùi Hồ Xuân M, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Trà Vinh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí thủ tục khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Tuấn D, bà Võ Thị Mỹ C và bà Dương Thị T không phải chịu.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Hồ Tuấn D, bà Dương Thị T, mỗi người số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu số 0006856 và 0006857 cùng ngày 19/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Hòa Hiệp

